

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Hà Nội - Tháng 03 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	21 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trình bày Báo cáo này cùng với chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình là Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303000011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 01 năm 2009.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: PTS HATAY.

Các đơn vị trực thuộc Công ty như sau:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Chi nhánh tại Hà Nội.
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Chi nhánh tại Hòa Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Xây lắp và Dịch vụ

Trụ sở chính của Công ty tại Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trịnh Quang Khanh	Chủ tịch
	Ông Đào Văn Chiện	Ủy viên
	Ông Lê Tự Cường	Ủy viên
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
	Ông Bùi Ngọc Giá	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Đào Văn Chiện	Giám đốc
	Ông Lê Tự Cường	Phó Giám đốc

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đào Văn Chiện

Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Số: 208/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		33.598.087.322	29.045.154.394
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.252.826.019	5.671.684.332
1. Tiền	111		4.252.826.019	5.671.684.332
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.289.034.236	17.610.616.040
1. Phải thu khách hàng	131		19.846.727.321	9.200.196.516
2. Trả trước cho người bán	132		311.635.915	8.213.946.330
5. Các khoản phải thu khác	135		130.671.000	196.473.194
IV- Hàng tồn kho	140	5.2	7.424.381.539	4.357.029.225
1. Hàng tồn kho	141		7.424.381.539	4.357.029.225
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.631.845.528	1.405.824.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	724.051.726	182.502.617
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		126.222.544	482.157.260
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	781.571.258	741.164.920
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		18.489.488.199	23.111.761.719
II Tài sản cố định	220		16.805.944.894	21.423.017.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	15.453.588.638	18.821.523.479
- Nguyên giá	222		37.936.696.639	36.372.589.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.483.108.001)	(17.551.066.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	141.129.956	1.096.520.228
- Nguyên giá	228		385.749.418	1.286.622.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.619.462)	(190.102.190)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	1.211.226.300	1.504.973.333
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.683.543.305	1.688.744.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.613.543.305	1.553.744.679
3. Tài sản dài hạn khác	268		70.000.000	135.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		52.087.575.521	52.156.916.113

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		26.488.086.334	35.152.071.137
I- Nợ ngắn hạn	310		25.912.210.054	34.574.216.400
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	17.091.319.409	30.020.682.492
2. Phải trả người bán	312		2.609.814.116	81.170.622
3. Người mua trả tiền trước	313		1.976.310.073	596.381.334
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.131.977.134	2.659.472.061
5. Phải trả người lao động	315		483.000.000	91.555.819
6. Chi phí phải trả	316	5.11	310.118.254	225.768.995
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.309.671.068	899.185.077
II- Nợ dài hạn	330		575.876.280	577.854.737
3. Phải trả dài hạn khác	333		575.876.280	575.876.280
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.978.457
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		25.599.489.187	17.004.844.976
I- Vốn chủ sở hữu	410		25.562.882.220	16.995.146.088
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	16.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	1.051.082.000	1.051.082.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.13	-	350.863.250
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	4.734.346.659	3.392.855.033
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	665.000.000	520.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.13	8.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	3.104.453.561	1.680.345.805
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		36.606.967	9.698.888
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		36.606.967	9.698.888
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		52.087.575.521	52.156.916.113

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
4 Nợ khó đòi đã xử lý		478.560.451	365.867.237

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010
 Giám đốc

Chu Đức Hậu

Đào Văn Chiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.238.733.378.578	716.067.866.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	1.238.733.378.578	716.067.866.720
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	1.211.386.862.751	699.604.247.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		27.346.515.827	16.463.619.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	407.292.972	92.574.935
7. Chi phí tài chính	22	5.17	1.484.015.059	2.316.100.705
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.484.015.059</i>	<i>2.316.100.705</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.18	20.249.367.129	10.730.717.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.020.426.611	3.509.376.344
11. Thu nhập khác	31	5.19	189.369.603	976.415.700
12. Chi phí khác	32	5.19	88.826.493	637.522.750
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		100.543.110	338.892.950
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.120.969.721	3.848.269.294
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	5.20	1.455.316.160	967.923.489
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.665.653.561	2.880.345.805
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	3.210	2.880

(*): Bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo các chính sách thuế được áp tại Công ty năm 2008 số tiền 182.416.359 đồng, năm 2009 số tiền 541.491.626 đồng. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm được hạch toán tăng Quỹ đầu tư phát triển với số tiền tương ứng.

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chu Đức Hậu

Đào Văn Chiện

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009
		VND
1	2	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	6.120.969.721
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.573.069.392
- Các khoản dự phòng	03	1.978.457
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(507.102.843)
- Chi phí lãi vay	06	1.484.015.059
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	12.672.929.786
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.362.889.818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.067.352.314)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.794.139.333
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(601.347.735)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.484.015.059)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(440.607.130)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.011.983.150
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(616.137.726)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	10.906.702.487
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.444.364.312)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	125.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.319.364.312)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.616.200.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.184.996.488)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.437.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(10.006.196.488)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(1.418.858.313)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	5.671.684.332
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	4.252.826.019

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010
 Giám đốc

Kế toán trưởng

Chu Đức Hậu

Đào Văn Chiện

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình là Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000011, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14 tháng 01 năm 2009.

Theo đăng ký kinh doanh Vốn điều lệ tại Công ty là 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe; Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Đại lý, kinh doanh mua và bán thiết bị, dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Trồng trọt;
- Chăn nuôi;
- Nuôi trồng thủy sản.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2009 là: Kinh doanh, vận tải xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2009</u> <u>(số năm)</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 08
Thiết bị văn phòng	04 - 05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phân bổ ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời gian thuê.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, và các chi phí khác.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ Tài chính qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Quyết định số 76-QĐ/UB ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hà Tây điều chỉnh Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Quyết định số 237QĐ/UB ngày 01 tháng 3 năm 2001 và Quyết định số 309QĐ/UB ngày 16 tháng 3 năm 2001, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi theo khoản 4 điều 21 Nghị định 51/CP của Chính phủ do đầu tư dự án mua sắm phương tiện vận tải chuyên dùng vận chuyển xăng dầu cho vùng núi Tây Bắc. Dự án thực hiện quý IV/2000 và đưa vào hoạt động từ năm 2002. Tổng vốn đầu tư 8.270 triệu đồng.

Quyết định số 599/QĐ-CT ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Cục thuế Hà Tây theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty được miễn tiền thuê đất trên diện tích đất thuê 9.812,2m² tại Đồng Mai - Thanh Oai - Hà Tây trong thời gian 06 năm kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2003.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Xăng Dầu và các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	2.068.064.389	2.844.778.746
Tiền gửi ngân hàng	2.184.761.630	2.826.905.586
Tổng	4.252.826.019	5.671.684.332

5.2 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	78.221.450	851.409.298
Công cụ, dụng cụ	20.638.000	58.512.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	617.334.451	621.233.392
Hàng hoá	6.708.187.638	2.825.874.535
Tổng	7.424.381.539	4.357.029.225

5.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2009	
	VND	
Tại ngày 1 tháng 1		182.502.617
Tăng		1.934.159.790
Phân bổ vào chi phí trong năm		1.392.610.681
Tại ngày 31 tháng 12		724.051.726
	31/12/2009	01/01/2009
Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn	VND	VND
Chi phí xấp lớp và sửa chữa tài sản	724.051.726	80.502.617
Thuê cửa hàng Tri Thủy	-	12.000.000
Chi phí Viettel	-	90.000.000
	724.051.726	182.502.617

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	682.391.258	588.934.920
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	99.180.000	152.230.000
Tổng	781.571.258	741.164.920

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2009	7.520.180.336	1.563.155.322	27.067.827.179	221.426.823	36.372.589.660
Tăng trong năm	196.650.030	238.460.564	1.663.741.197	51.765.488	2.150.617.279
Mua trong năm	196.650.030	72.603.897	3.320.000	40.683.670	313.257.597
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	165.856.667	1.660.421.197	11.081.818	1.837.359.682
Giảm trong năm	-	-	586.510.300	-	586.510.300
Thanh lý, nhượng bán	-	-	586.510.300	-	586.510.300
Số dư tại 31/12/2009	7.716.830.366	1.801.615.886	28.145.058.076	273.192.311	37.936.696.639
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	3.416.169.892	1.200.528.982	12.759.173.384	175.193.923	17.551.066.181
Tăng trong năm	677.402.850	233.503.385	4.576.322.587	31.323.298	5.518.552.120
Khấu hao trong năm	677.402.850	233.503.385	4.576.322.587	31.323.298	5.518.552.120
Giảm trong năm	-	-	586.510.300	-	586.510.300
Thanh lý, nhượng bán	-	-	586.510.300	-	586.510.300
Số dư tại 31/12/2009	4.093.572.742	1.434.032.367	16.748.985.671	206.517.221	22.483.108.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2009	4.104.010.444	362.626.340	14.308.653.795	46.232.900	18.821.523.479
Tại 31/12/2009	3.623.257.624	367.583.519	11.396.072.405	66.675.090	15.453.588.638

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2009	975.978.418	29.500.000	281.144.000	1.286.622.418
Tăng trong năm	281.144.000	-	-	281.144.000
Tăng khác	281.144.000	-	-	281.144.000
Giảm trong năm	900.873.000	-	281.144.000	1.182.017.000
Giảm khác	900.873.000	-	281.144.000	1.182.017.000
Số dư tại 31/12/2009	356.249.418	29.500.000	-	385.749.418
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2009	21.659.252	19.420.840	149.022.098	190.102.190
Tăng trong năm	196.164.370	7.375.000	-	203.539.370
Khấu hao trong năm	47.142.272	7.375.000	-	54.517.272
Tăng khác	149.022.098	-	-	149.022.098
Giảm trong năm	-	-	149.022.098	149.022.098
Giảm khác	-	-	149.022.098	149.022.098
Số dư tại 31/12/2009	217.823.622	26.795.840	-	244.619.462
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2009	954.319.166	10.079.160	132.121.902	1.096.520.228
Tại 31/12/2009	138.425.796	2.704.160	-	141.129.956

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**Năm 2009****VND**

Tại ngày 1 tháng 1	1.504.973.333
Tăng	2.792.877.863
Kết chuyển tài sản cố định	1.837.359.682
Kết chuyển vào chi phí	1.249.265.214
Tại ngày 31 tháng 12	1.211.226.300

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xe ô tô Corola	-	574.640.000
02 xe ô tô xi tec Cửu Long, 01 xe ô tô xitec cũ	-	925.333.333
Chi phí khảo sát thiết kế, lập dự án SC CHXD Tri Thủy	-	5.000.000
Chi phí san lấp	900.873.000	-
Cửa hàng Xăng dầu Tây Phong	297.626.600	-
San lấp kho Đồng Mai	12.726.700	-
	1.211.226.300	1.504.973.333

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009	
	VND	
Tại ngày 1 tháng 1	1.553.744.679	
Tăng	1.696.072.354	
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.636.273.728	
Tại ngày 31 tháng 12	1.613.543.305	
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn		
Thuê đất tại Cửa hàng xăng dầu Mỹ Lộc	600.000.000	-
Công cụ, dụng cụ	992.129.544	1.414.315.969
Chi phí trả trước khác	21.413.761	139.428.710
	1.613.543.305	1.553.744.679

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay Ngân hàng	7.500.000.000	14.000.000.000
Vay cá nhân và Công đoàn Công ty	9.591.319.409	16.020.682.492
Tổng	17.091.319.409	30.020.682.492

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	217.958.472	229.372.618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	913.824.535	440.607.131
Thuế thu nhập cá nhân	194.127	194.127
Các loại thuế khác	-	1.989.298.185
Tổng	1.131.977.134	2.659.472.061

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	76.584.728	74.072.480
Chi phí phải trả khác	233.533.526	151.696.515
Tổng	310.118.254	225.768.995

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.162.263	13.735.051
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.296.508.805	885.450.026
<i>Phải trả hợp đồng liên kết (tàu PTS 03)</i>	<i>257.688.534</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>-</i>	<i>826.200.000</i>
<i>Tiền mua cổ phần ưu đãi chậm trả</i>	<i>31.500.000</i>	<i>31.500.000</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>2.007.320.271</i>	<i>27.750.026</i>
Tổng	2.309.671.068	899.185.077

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Xăng dầu	8.160.000.000	5.100.000.000
Cổ đông còn lại	7.840.000.000	4.900.000.000
Tổng	16.000.000.000	10.000.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	6.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	16.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.606.300.000	2.400.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	600.000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	600.000	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2008	10.000.000.000	1.051.082.000	350.863.250	2.470.438.674	380.000.000	-	2.697.739.184	16.950.123.108
Tăng trong năm	-	-	-	922.416.359	140.000.000	-	2.880.345.805	3.942.762.164
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	740.000.000	140.000.000	-	-	880.000.000
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	182.416.359	-	-	-	182.416.359
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	2.880.345.805	2.880.345.805
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	3.897.739.184	3.897.739.184
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.497.739.184	1.497.739.184
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Số dư tại 31/12/2008	10.000.000.000	1.051.082.000	350.863.250	3.392.855.033	520.000.000	-	1.680.345.805	16.995.146.088
Số dư tại 01/01/2009	10.000.000.000	1.051.082.000	350.863.250	3.392.855.033	520.000.000	-	1.680.345.805	16.995.146.088
Tăng trong năm	6.000.000.000	-	-	1.341.491.626	145.000.000	67.500.000	4.665.653.561	12.219.645.187
Góp vốn	6.000.000.000	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000
Trích các quỹ	-	-	-	800.000.000	145.000.000	60.000.000	-	1.005.000.000
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	541.491.626	-	-	-	541.491.626
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	4.665.653.561	4.665.653.561
Tăng khác	-	-	-	-	-	7.500.000	-	7.500.000
Giảm trong năm	-	-	350.863.250	-	-	59.500.000	3.241.545.805	3.651.909.055
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	59.500.000	-	59.500.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	1.606.300.000	1.606.300.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.630.345.805	1.630.345.805
Giảm khác	-	-	350.863.250	-	-	-	4.900.000	355.763.250
Số dư tại 31/12/2009	16.000.000.000	1.051.082.000	-	4.734.346.659	665.000.000	8.000.000	3.104.453.561	25.562.882.220

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.188.713.312.705	670.165.858.062
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.020.065.873	45.902.008.658
Tổng	1.238.733.378.578	716.067.866.720

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.162.345.605.734	654.662.473.669
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	48.261.450.154	44.213.619.975
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	779.806.863	728.153.485
Tổng	1.211.386.862.751	699.604.247.129

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	121.015.193	36.722.276
Doanh thu hoạt động tài chính khác	286.277.779	55.852.659
Tổng	407.292.972	92.574.935

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.484.015.059	2.316.100.705
Tổng	1.484.015.059	2.316.100.705

5.18 Chi phí bán hàng

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.243.026.655	3.898.580.112
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	723.773.931	526.681.387
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.294.662	594.529.778
Chi phí sửa chữa tài sản	714.820.021	167.055.579
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm	4.628.578.180	1.579.339.013
Thuế, phí và lệ phí	240.159.847	57.571.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.895.017.120	3.755.448.985
Chi phí bằng tiền khác	58.696.713	151.511.378
Tổng	20.249.367.129	10.730.717.477

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Lợi nhuận từ hoạt động khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu nhập khác	189.369.603	976.415.700
Thu thanh lý tài sản cố định	125.000.000	884.650.700
Bồi thường vật chất	63.636.363	55.000.000
Thu nhập khác	733.240	36.765.000
Chi phí khác	88.826.493	637.522.750
Chi phí liên quan đến tài sản thanh lý	25.190.129	637.522.750
Chi phí khác	63.636.364	-
Tổng	88.826.493	637.522.750
Lợi nhuận từ hoạt động khác	100.543.110	338.892.950

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận tính thuế trong đó	6.120.969.721	3.848.269.294
<i>Lợi nhuận hoạt động được ưu đãi đầu tư</i>	<i>1.498.525.402</i>	<i>1.369.898.916</i>
<i>Lợi nhuận hoạt động khác</i>	<i>4.622.444.319</i>	<i>2.478.370.378</i>
Thuế suất áp dụng		
<i>Thuế suất ưu đãi 20% (hoạt động được ưu đãi đầu tư)</i>	<i>299.705.080</i>	<i>273.979.783</i>
<i>Thuế suất 25% (hoạt động khác)</i>	<i>1.155.611.080</i>	-
<i>Thuế suất 28% (hoạt động khác)</i>	-	<i>693.943.706</i>
Thuế thu nhập hiện hành	1.455.316.160	967.923.489
Thuế thu nhập hiện hành được miễn giảm	541.491.626	182.416.359
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 50% (hoạt động được ưu đãi đầu tư)</i>	<i>149.852.540</i>	<i>136.989.892</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009</i>	<i>391.639.086</i>	<i>45.426.467</i>
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	913.824.534	785.507.130
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	913.824.534	785.507.130

(*): Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh trên thuyết minh số 5.20 đã bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo các chính sách thuế được áp tại Công ty năm 2008 số tiền 182.416.359 đồng, năm 2009 số tiền 541.491.626 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.665.653.561	2.880.345.805
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.665.653.561	2.880.345.805
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.453.699	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.210	2.880

5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.875.081.306	26.069.765.884
Chi phí nhân công	16.234.897.317	10.777.766.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.573.069.392	4.587.578.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.231.284.336	1.952.288.320
Chi phí khác bằng tiền	17.080.499.991	11.556.938.034
Tổng	69.994.832.342	54.944.337.452

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty - được chi tiết tại Phụ lục 1 và phụ lục số 2 kèm theo.

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Giám đốc

Chu Đức Hậu

Đào Văn Chiện

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu 02-B/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2009

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	29.840.912.369				
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	13.859.375.929				
			Tổng	43.700.288.298	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu 03/HN-CTC

PHỤ LỤC II- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	1.120.481.782			
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	1.154.769.034.589	750.188.816		
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	83.271.581.131	-		
2	XD	11002000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	1.071.497.453.458	-		
3	CP	11024000	Công ty Cổ phần hoá dầu Petrolimex	-	750.188.816		
III			Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	1.151.638.295.674	750.188.816		
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	4.251.220.697			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu 04/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	5.849.479.727	-	-	-	-	-
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	4.496.378.512					
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	1.347.101.215					
3	XD	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	6.000.000					
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu 05/HN-CTC

PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	1.473.383.744	643.642.761	-	-	-	-
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	562.863.208	643.642.761				
2	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	910.520.536	-				
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Giám đốc

Chu Đức Hậu

Đào Văn Chiện